

༄༅། ། ພຣະ ນັກ ສັນ ດາ

# TÂN DƯƠNG MUÒI HAI CÔNG HẠNH PHẬT

## PRAISE TO THE TWELVE DEEDS



ENGLISH – VIETNAMESE  
ANH – VIỆT



**hongnhu-archives**

Ấn bản điện tử 2016

FREE BOOK – NOT FOR SALE

SÁCH ẤN TỔNG – KHÔNG BÁN

Tùy nghi sử dụng với điều kiện giữ nguyên nội dung và không bán

**Prerequisites:** Everyone can read

**Điều kiện hành trì:** Mọi người đều có thể đọc

ସବନ୍ନାମାରନ୍ନାମୁଷଣାହେତ୍ତା ମୁଗୁରୀର୍ମିଶାନ୍ନାମୁହରୁଦନ୍ନା ।

**TAP KHE THUK JE SHA KYAY RIK SU TRUNG**

Skilled in means, from compassion you took birth as a Sakyas;  
Dụng thiện phương tiện / từ bi thọ sinh / vào dòng họ Thích

ଶବ୍ଦାଶ୍ରୀନ୍ଦ୍ରିୟାକ୍ଷ୍ଵାପନ୍ତର୍ମୁଦ୍ରାଦର୍ଶକଣାତ୍ ।

**SHEN GYI MI THUP DU KYI PUNG JOM PA**

You vanquished Mara's forces while others could not.  
phá lực ma vương / là điều người khác / đều không thể làm/

ଶଶେତ୍ତାଶ୍ରୀହୃଦୀଶ୍ଵରାଜୁର୍ମହିଂଦ୍ରାଧରୀଜ୍ଞା ।

**SER GYI LHUN PO TA BUR JI PEI KU**

Like a golden Mount Meru is your splendid body,  
Thân vàng rực rõ / như núi tu di

ମୁଗୁରୀକ୍ରୂଷାର୍ଦ୍ରାତ୍ମାପ୍ରତ୍ମାଦର୍ଶପାଦ୍ମା ।

**SHA KYEI GYAL PO KHYO LA CHAK TSAL LO**

O King of the Shakyas, I prostrate to you.  
vua dòng họ Thích, / đệ tử qui y.

ଶଦ୍ରୀଦର୍ଶନ୍ତର୍ମହିଂଦ୍ରାକୁନ୍ତମୁଷଣାମନ୍ତ୍ରିଦ୍ଵାରା ।

**GANG GI DANG POR JANG CHUP THUK KYE NE**

It's you who at first roused the mind of enlightenment,  
Trước tiên ngài đã / phát tâm bồ đề, / tiếp theo tích tụ

ଏକାଦ୍ଵାରାଧୀନ୍ତର୍ମହିଂଦ୍ରାକୁନ୍ତମୁଷଣାମନ୍ତ୍ରିଦ୍ଵାରା । ।

**SO NAM YE SHE TSOK NYI DZOK DZE CHING**

Then perfected the accumulation of merit  
tự lương phước tuệ, / thiện hạnh bao la / trong cõi thế này.

କୁଶ'ଦ୍ଵିତୀ'ଗନ୍ଧାର'ଶ୍ରୀକୃଷ୍ଣ'ପାପି।

# DU DIR DZE PA GYA CHEN DRO WA YI

And wisdom. So vast are your deeds in this age!

## Trước bậc hộ trì / chúng sinh biển khổ

ଓର୍କୁଣ୍ଡାନ୍ତିମ ପଦାର୍ଥ ଶିଳ୍ପି

# GON GYUR KHYO LA DAK GI TO PAR GYI

I praise you who are the protector of wanderers.

đệ tử thành tâm / tán dương công hạnh

ଶ୍ରୀ କୃଷ୍ଣା ଦ୍ଵାରା ପରିଚୟ କରାଯାଇଥାଏ ଏହା ମାତ୍ରରେ କିମ୍ବା ଏହାରେ କିମ୍ବା

LHA NAM DON DZE DUL WAY DU KHYEN NE

You benefited gods, then knowing it was time

Hoằng hóa cõi Thiên, / đến khi đủ duyên

ଶ୍ରୀପାତ୍ରାନୁଷ୍ଠାନକାରୀଙ୍କ ହିନ୍ଦୁ ଶ୍ରୀପାତ୍ରାନୁଷ୍ଠାନକାରୀଙ୍କ ହିନ୍ଦୁ

# LHA LE BAP NE LANG CHEN TAR SHEK SHING

To tame humans, you came down from heaven as an elephant.

xuất thế cõi người, / như voi uy dũng

**RIK LA SIK NE LHA MO GYI TRUL MAY**

You looked at her caste and then entered the womb

Chọn dòng để vương / nhập vào thai mẹ / hoàng hậu Ma Ya:

ଶ୍ରୀକୃଷ୍ଣା'ନୁ'କୃଷ୍ଣା'ପଦ'ମହାଦ୍ଵାରା'ପ୍ରଶା'ପରିବର୍ତ୍ତନ' ।

LHUM SU SHIK PAR DZE LA CHAK TSAL LO

Of the goddess Mahamaya: I prostrate to this deed.

Trước công hanh này / con xin đánh lẽ.

၁။ သုသန၏ ၁၀လျှောက် မျှော်လွှာ သူ၏ အောင်။ ।

**DA WA CHU DZOK SHA KYAY SE PO NI**

When the ten months has finished, you, son of the Shakyas,

Khi tròn mười tháng / đứa con họ Thích

သုသန၏ ၁၀လျှောက် မျှော်လွှာ သူ၏ အောင်။ ।

**TA SHI LUM BIY TSAL DU TAM PAY TSE**

Were born in the auspicious grove of Lumbini.

đản sinh cát tường / vườn Lâm Tì Ni.

သုသန၏ ၁၀လျှောက် မျှော်လွှာ သူ၏ အောင်။ ।

**TSANG DANG GYA JIN GYI TO TSEN CHOK NI**

Both Bahma and Indra praised you with your great marks

Phạm Thiên Đế Thích / tán dương tướng hảo / dòng dõi bồ đề:

သုသန၏ ၁၀လျှောက် မျှော်လွှာ သူ၏ အောင်။ ।

**JANG CHUP RIK SU NGE DZE CHAK TSAL LO**

Of the family of enlightenment: I prostrate to this deed.

trúớc công hạnh này / con xin đảnh lễ.

သုသန၏ ၁၀လျှောက် မျှော်လွှာ သူ၏ အောင်။ ।

**SHON NU TOP DEN MI YI SENG GE DE**

A youth with great strength, a lion among men,

Tuổi trẻ dũng mãnh / tựa như sư tử / ở trong loài người.

သုသန၏ ၁၀လျှောက် မျှော်လွှာ သူ၏ အောင်။ ।

**ANG GA MA GA DHAR NI GYI TSAL TEN**

You showed your great prowess at Angamagadha

Thi triển tài nghệ / khuất phục hết thảy

ଶ୍ରୀଶ୍ରୀକୃଷ୍ଣାମାତ୍ରକୁରାଜକର୍ତ୍ତା

KYI WO DREK PA CHEN NAM TSAR CHE NE

You vanquished all people inflated with arrogance.

những kẻ kiêu mạn / tại xứ A ga Ma Kiệt Đà, /



ରୁଷକ'ଶ୍ଵ'ମେଦ'ପତ'ଗହ୍ନ'ଶ'କୁଣ'ରକ୍ଷଣ'ଶ' ।

**DREN DA ME PAR DZE LA CHAK TSAL LO**

You are without rival: I prostrate to this deed.

tài nghệ vô song: / trước công hạnh này / con xin đánh lễ.

ରହେଣ କେବ କଣ୍ଠା ଦିନ ମସୁକ ପତ୍ର ପାଦିଲା ।

**JIK TEN CHO DANG TUN PAR JA WA DANG**

In order to act in accord with the ways

## Thuận lẽ thế gian

ମ'ର'ବ'ଶ'ଶ୍ଵର'ଶ୍ରୀର'ଷତ୍କ'ର'ମ'ଧ' ।

# KHA NA MA TO PANG CHIR TSUN MO YI

Of the world and avert any censure, you took

không chút úy kỵ, / thâu nạp phi tần,

ମର୍ତ୍ତନ୍ତମାଙ୍କ ଗର୍ଭମାଙ୍କ ସମ୍ମାନ ପାଇଲା ଯିବାରୁ ।

# KHOR DANG DEN DZE TAP LA KHE PA YI

A retinue of queens. Thus through means that were skillful,

dụng thiện phương tiện / khéo léo trị nước:

# GYAL SI KYONG WAR DZE LA CHAK TSAL LO

You governed your kingdom: I prostrate to this deed.

trước công hạnh này / con xin đánh lề.

པර්ස. ພති. ສු. ສ්නීඩ. ສ්. ເස්. ສාම්බෑසා. ອුණා |

**KHOR WAY JA WA NYING PO ME ZIK NE**

You saw the affairs of samsara are pointless

Thấy rõ chuyện đời / thật là vô nghĩa /

ත්‍යිස. ອුණ. ສුදු. න්‍යි. ພාසර. ພ. ສාම්බෑසා. ອුණ. ແුං |

**KHYIM NE JUNG TE KHA LA SHEK NE KYANG**

And left your household, going off in the sky

ngài rời gia đình / lên tận trời cao /

අක්ද. තේ. ක්‍රා. දා. පුද. දු. තිද. ພ. තිද |

**CHO TEN NAM DAK DRUNG DU NYI LA NYI**

Near the stupa of Great Purity, you by yourself

gần tháp Đại Tịnh / một mình xuất gia / buông xả luân hồi:

ත්‍යි. පුද. ສර. ພද්ධ. ພ. ສුජා. තක්ස. ඡ්‍යා |

**RAP TU JUNG WAR DZE LA CHAK TSAL LO**

Became fully renounced: I prostrate to this deed.

trú ớc công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ව්‍යෝ. පා. මුද. කුස. සුජා. පර. ද්‍රූජ්‍යා. ති |

**TSON PE JANG CHUP DRUP PAR GONG NE NI**

With the thought to accomplish enlightenment through effort,

Tìm quả giác ngộ / qua đường tinh tấn,

ව්‍යෝ. මුද. කුරි. මුහුම. පුද. ඡ්‍යා. තු |

**NE RANG DZA NAY DRAM DU LO DRUK TU**

For six years you practiced austerities on the banks

sáu năm khổ hạnh / bên bờ Ni liên,

ଦ୍ୱାରା ଏ ଶ୍ରୀଦ ପର୍ବତ ସର୍କର ନିର୍ମାଣ କଷତ ପ୍ରିୟ ମନ୍ଦିର ।

**KA WA CHE DZE TSON DRU TAR CHIN PAY**

Of the Nairanjana and, perfecting your diligence,  
vẹn toàn tinh tấn / đạt được đại định:

ସମାଧାର ପକ୍ଷଗାଁ ପଲ୍ଲେଶ ପର୍ବତ ସାମ୍ରାଜ୍ୟ ପର୍ବତ ପାତ୍ର ।

**SAM TEN CHOK NYE DZE LA CHAK TSAL LO**

You gained the supreme dhyana: I prostrate to this deed.  
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ଶର୍ଷଣା ପାତ୍ର ପର୍ବତ ପର୍ବତ ପାତ୍ର ପର୍ବତ ପର୍ବତ ।

**TOK MA ME NE BE PA DON YON CHIR**

As your efforts from beginningless time had a purpose,  
Kể từ vô thủy / nỗ lực như vậy / là có mục tiêu,

ପାଶାଙ୍କ ପିତ୍ତର କ୍ଷୁଦ୍ର ପିତ୍ତର କ୍ଷୁଦ୍ର ।

**MA GA DHA GA DHA YI JANG CHUP SHING DRUNG DU**

In Magadha under the Three of Enlightenment  
ở Ma Kiệt Đà / dưới cội bồ đề / ngài ngồi kiết già

ଶ୍ରୀଯ ଶ୍ରୀ ଶର୍ଷଣା ପାତ୍ର ପର୍ବତ ପାତ୍ର ପର୍ବତ ।

**KYIL TRUNG MI YO NGON PAR SANG GYE NE**

Unmoving you sat and manifestly awakened  
thị hiện chứng đạo / đắc chánh đẳng giác:

ଶ୍ରୀ ଶ୍ରୀ ଶର୍ଷଣା ପାତ୍ର ପର୍ବତ ସାମ୍ରାଜ୍ୟ ପର୍ବତ ।

**JANG CHUP DZOK PAR DZE LA CHAK TSAL LO**

To perfect enlightenment: I prostrate to this deed.  
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ଶ୍ରୀଶାହେନାମର୍ତ୍ତବ୍ୟାନୁଦ୍ରିଷ୍ଟିଷାନାମକ୍ରମୀ ।

**THUK JE DRO LA NYUR DU SIK NE NI**

You soon with compassion regarded all wanderers

Rồi vì đại bi / túc khắc nhìn về / khắp cả chúng sinh.

ଶ୍ରୀନାମର୍ତ୍ତବ୍ୟାନୁଦ୍ରିଷ୍ଟିଷାନାମକ୍ରମୀ ।

**WA RA NA SI LA SOK NE CHOK TU**

And in Varanasi and other great places

Tại các thánh địa / như Ba La Nại

ଶ୍ରୀନାମର୍ତ୍ତବ୍ୟାନୁଦ୍ରିଷ୍ଟିଷାନାମକ୍ରମୀ

**CHO KYI KHOR LO KOR NE DUL JA NAM**

You turned the Wheel of Dharma, thus bringing your disciples

chuyển đầy pháp luân / đưa chúng đệ tử / vào với tam thura:

ଶ୍ରୀନାମର୍ତ୍ତବ୍ୟାନୁଦ୍ରିଷ୍ଟିଷାନାମକ୍ରମୀ

**TEK PA SUM LA GO DZE CHAK TSAL LO**

Into the three vehicles: I prostrate to this deed.

trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ଶ୍ରୀନାମର୍ତ୍ତବ୍ୟାନୁଦ୍ରିଷ୍ଟିଷାନାମକ୍ରମୀ ।

**SHEN GYI GOL WA NGHEN PA TSAR CHE CHIR**

To vanquish the evil objections of others

Diệt tan tà lực / tại Ba La Nại / hàng phục quỷ ma

ଶ୍ରୀନାମର୍ତ୍ତବ୍ୟାନୁଦ୍ରିଷ୍ଟିଷାନାମକ୍ରମୀ ।

**MU TEK TON PA DRUK DANG LHA JIN SOK**

In the land of Varanasi, you subdued the demons –

sáu sư ngoại đạo / Đề Bà Đạt Đa, /

ଏଷେ କୋଣିରୁ ପାଦରୁ ପାଦରୁ ପାଦରୁ ପାଦରୁ

# KHOR MO JIK GI YUL DU DU NAM TUL

The six tirthika teachers, Devadatta, and others  
cùng nhiều vị khác, / đạo sư tối thắng :

ଶ୍ରୀମଦ୍ଭଗବତପାଠ କୁରୁକ୍ଷେତ୍ରପାଠ ପାଠୀ

# TUP PA YUL LE GYAL LA CHAK TSAL LO

The Sage triumphed in battle: I prostrate to this deed.  
trước công hạnh này / con xin đánh lě.

ଶିଦ୍ଧାଶନୁଷାରାଦିପେମେଦ୍ୟକରାତ୍ମିଷା ।

SI PA SUM NA PE ME YON TEN GYI

Your qualities unparalleled in the three realms.

Thiên đức của ngài / ba cõi không đâu / có thể sánh bằng,

ବନ୍ଦର'କୁ ଘନ'ପତ୍ର କେ'ରୁ ପାଞ୍ଜାବ'କେ'ରୁ ଶ'ପାଞ୍ଜାବ'

**NYEN DU YO PAR CHO TRUL CHEN PO TEN**

In Shravasti, you displayed wondrous miracles  
tại thành Xá Vê / thi hiên thần thông

କୁ'କି'ରତ୍ନ'ଏ'ଗୁର'ଶ୍ରୀଶ'ରମ'ହର୍ଦ'ଏ ।

# LHA MI PRO WA KUN GYI RAP CHO PA

All devas and humans make you great offerings  
chư Thiên, nhân loại / qui thuận cúng dường

ଏଣ୍ଟର୍ ଏ କୁଣ୍ଡଳ ଗନ୍ଧାର୍ମ ସିଦ୍ଧାଂତ ପାଇଁ ଉପରେ ଏହାରେ

# TEN PA GYE PAR DZE LA CHAK TSAL LO

You spread the teachings: I prostrate to this deed.

xiển dương chánh pháp: / trước công hạnh này / con xin đảnh  
lẽ.

શેષ્ઠાન્વકુશાશૂરદુષ્ટાપુરીષ્ટિસ |

**LE LO CHEN NAM NYUR DU KUL JAY CHIR**

In order to encourage all those who are lazy

Để giúp kẻ lười / phát tâm dũng mãnh / siêng tu Phật Pháp,

કુશક્ષણાશ્રેષ્ઠાશાશ્વિષાંગના |

**TSA CHOK DRONG GI SA SHI TSANG MA RU**

To the Dharma, on Kushinagar's good, clean ground

Phật ở nơi thành / Ku-shi-na-gar / trên đất

ધક્તાન્દ્રાદ્રેષ્ટાલ્લાપુરીષ્ટાશનીષાશા |

**CHI ME DOR JE TA BUY KU SHEK NE**

You departed the deathless, vajralike body

thanh tịnh / xả bỏ xác thân / kim cang bất tử, / nhập bát niết  
bàn:

શુદ્ધાદર્દરાસનાધર્દાલાશ્રુણાધર્ષણા |

**NYA NGE DA WAR DZE LA CHAK TSAL LO**

And passed to nirvana: I prostrate to this deed

trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

યાદાન્દ્રાન્દ્રેદાદ્રાન્દેષાશાન્દેદાન્દા |

**YANG DAK NYI DU JIK PA ME CHIR DANG**

Because in reality there is no destruction

Vì thật không hề / có sự hủy hoại,

અન્દરાન્દેષાન્દેષાન્દ્રકુશાન્દ્રાન્દ્રાન્દા |

**MA ONG SEM CHEN SO NAM TOP JAY CHIR**

And so that the beings of the future gain merit

để cho chúng sinh / các thời tương lai / tích tụ công đức

དྲ୍ଵିଦ୍ଵକ୍ରିଦ୍ଵନ୍ତଶ୍ଵରାଶନ୍ତିଶବ୍ଦା ।

**DE NYI DU NI RING SEL MANG TRUL NE**

In that very place you left many relics –

ngay tại chốn này / ngài lưu xá lợi - / tám phần linh cốt:

ଶ୍ରୀଶନ୍ତିକାଶନ୍ତିଶବ୍ଦାଶବ୍ଦାଶବ୍ଦାଶବ୍ଦା

**KU DUNG CHA GYE DZE LA CHAK TSAL LO.**

The eight parts of your remains: I prostrate to this deed.

trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ସନ୍ଦେଶାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରା ।

**DE BAR SHEK PA KHYE KU CHI DRA DANG**

Sakyamuni, may we attain a body like yours,

Đức Phật Thích Ca / hiện sắc thân nào

ସନ୍ତିଶବ୍ଦାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରା ।

**KHOR DANG KU TSE'I TSE DANG SHING KHAM DANG**

a retinue like yours, long life like yours,

cùng thánh chúng nào / thọ mạng ra sao

ଶ୍ରୀପରମାହାତ୍ମାଶ୍ରୀପରମାହାତ୍ମାଶ୍ରୀପରମାହାତ୍ମା ।

**KHYE KYI TSEN CHOG ZANG PO CHI DRA WA**

a realm like yours, and excellent supreme

trú tự hào / danh hiệu ra sao

ଦ୍ଵାରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରାଶ୍ଵରା ।

**DE DRA KHO NAR DAK SOK GYUR WAR SHOK**

characteristics just like yours.

nguyên cho chúng con / được y như vậy.



### **BUDDHA MANTRA – MINH CHÚ PHẬT THÍCH CA**

**TE YA THA: OM MU NI MU NI MA HA MU NI YE SO HA  
TÊ YA THA, ÔM MU NI MU NI MA HA MU NI YÊ SÔ HA**



## **DEDICATION – HỒI HƯỚNG**

ଶ୍ରୀମଦ୍ଭଗବତ୍-ପାଠୀ-କଣ୍ଠ-ଶରୀର-ପାଦ-ପରିଷର-ପରିଷର-ପରିଷର-

# KHYO LA TO CHIK SOL WA TAB PAI TU

I pray that by virtue of having praised and supplicated you,

Nguyễn nhở công đức / tán dương, thỉnh Phật,

ପଦ୍ମାଶ୍ରମାଶର୍ମକୁ ଶର୍ମାପତ୍ରିଶାଙ୍କରାଶ୍ରମାଶ୍ରମା

# DAK SOK GANG DU NAY PAI SA CHOG SU

you will pacify all sickness, duns, poverty, strife and warfaire.

con cùng chúng sinh / ở khắp mọi miền / đều thoát tật, dlich

ସନ୍ଦର୍ଭ ପାଇଁ କିମ୍ବା କିମ୍ବା କିମ୍ବା କିମ୍ବା କିମ୍ବା

NAY DON UL PONG TAB TSO SHI WA DANG

in whatever regions we may abide,

xung đột, chiến tranh / nguyện cho Phật pháp

କ୍ଷଣଦିନ ସ୍ମୃତିରେ ପାଇଲା ଏହାର ପାଇଲା ଏହାର

# CHO DANG TRA SHI PEL WAR DZE DU SOL.

and cause Dharma and auspiciousness to flourish.

cùng mọi điểm lành / tràn khắp mọi nơi.





Xin bồ đề tâm vô vàn trân quý  
nơi nào chưa có, nguyện sẽ nảy sinh  
nơi nào đã sinh, nguyện không thoái chuyển  
vĩnh viễn tăng trưởng không bao giờ ngừng.



FREE BOOK – NOT FOR SALE  
SÁCH ĂN TỐNG – KHÔNG BÁN



**hongnhu-archives**  
[www.hongnhu.org](http://www.hongnhu.org)